

Số: /KH-UBND

Bến Tre, ngày tháng năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Phát triển mới 5.000 doanh nghiệp và xây dựng 100 doanh nghiệp dẫn đầu trên địa bàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bến Tre lần thứ XI nhiệm kỳ 2020-2025;

Thực hiện Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bến Tre 05 năm 2021 -2025;

Để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021-2025; phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng, hiệu quả, bền vững, tạo nền tảng, động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội tỉnh nhà, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch phát triển mới 5.000 doanh nghiệp và 100 doanh nghiệp dẫn đầu trên địa bàn tỉnh, nội dung như sau:

## **Phần I**

### **THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH TỈNH BẾN TRE**

#### **I. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘ KINH DOANH**

Hộ kinh doanh là nền tảng vững chắc để phát triển doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp, đặc biệt là ở những ngành, lĩnh vực kinh doanh có tiềm năng, thế mạnh của tỉnh (ngành dừa, thủy sản); là lực lượng đóng vai trò to lớn, góp phần xây dựng hiệu quả nền kinh tế địa phương, nhất là tạo việc làm và giải quyết các vấn đề xã hội. Đây là lực lượng tiềm năng, đã trải qua thời gian kinh doanh bài bản, là lực lượng nguồn để hình thành nên những DN dẫn đầu của tỉnh.

Giai đoạn 2016-2021, đã có hơn 420 DN được thành lập từ hộ kinh doanh trong tổng số 5.337 DN của tỉnh; đã tạo việc làm cho hơn 114.000 lao động (số lao động trung bình một hộ dao động khoảng 02 người/hộ kinh doanh).

Toàn tỉnh hiện có 53.452 hộ kinh doanh, với tổng số vốn đăng ký gần 7.320 tỷ đồng, trong đó có khoảng 24.812 hộ kinh doanh đang hoạt động<sup>1</sup>; với hơn 75% hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh tập trung phát triển ở lĩnh vực thương mại-dịch vụ; Trong đó thành phố Bến Tre, huyện Ba Tri, Giồng Trôm, Châu Thành là các địa phương có số lượng hộ kinh doanh cao.

---

<sup>1</sup> Số liệu Cục thuế tỉnh quản lý

## II. THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Bến Tre hiện có 5.337 DN, vốn đăng ký đạt 51.886 tỷ đồng và 2.747 đơn vị trực thuộc (ĐVTT), trong đó có 4.333 DN và 2.487 ĐVTT đang hoạt động, tổng vốn đăng ký 45.216,547 tỷ đồng, với 113.192 lao động. Số lượng DN nhỏ và vừa chiếm đến 97,44% (đa số là DN siêu nhỏ, chiếm 60,47%). Có 2.003 DN hoạt động trong lĩnh vực bán buôn và bán lẻ, sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác, chiếm 37,5 %; 1.002 DN ở lĩnh vực hoạt động dịch vụ khác, chiếm 18,8%; 695 DN trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, chiếm 13%.

Riêng năm 2020, toàn tỉnh có 502 DN<sup>2</sup> thành lập mới (73 DN chuyển đổi từ hộ kinh doanh, 98 DN khởi nghiệp, 366 ĐVTT thành lập). Bình quân mỗi quý phát triển 125 DN. Trong đó, có 199 DN thuộc nhóm ngành nghề buôn bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác (chiếm 39,64%); có 66 DN thuộc nhóm ngành nghề xây dựng (chiếm 13,15%); có 51 DN thuộc nhóm ngành nghề công nghiệp, chế biến, chế tạo (chiếm 10,16%). Trong 9 tháng đầu năm 2021, đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho 293 DN và 305 ĐVTT, với vốn đăng ký ban đầu 4.624,697 đồng, đạt 45,78% về số lượng DN so với kế hoạch năm 2021 (640) và bằng 1,54 lần về vốn đăng ký so cùng kỳ năm 2020.

Giai đoạn 2020-2021, tuy gặp nhiều khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19, nhưng số lượng DN giải thể và tạm ngưng kinh doanh không có sự thay đổi lớn so với giai đoạn 2016-2020 (năm 2020 có 167 DN và 303 ĐVTT giải thể; 92 DN và 36 ĐVTT tạm ngưng kinh doanh; 09 tháng đầu năm 2021 có 68 DN và 84 ĐVTT giải thể; 131 DN và 59 ĐVTT tạm ngưng kinh doanh). Từ đầu năm đến nay, Bến Tre chịu tác động trực tiếp của dịch bệnh Covid-19, tuy nhiên số lượng DN giải thể tương đương năm 2020; số DN tạm dừng hoạt động tăng cao, chứng tỏ những DN này tuy gặp khó khăn, nhưng vẫn có tiềm năng và mong muốn trở lại thị trường. Trong thời gian tới, nếu kiểm soát tốt dịch bệnh và có chính sách đột phá, DN ngoài nước vào Việt Nam sẽ là cơ hội lớn để phát triển đội ngũ DN tỉnh Bến Tre.

Qua rà soát thông tin về doanh thu, nộp ngân sách nhà nước, DN sử dụng nhiều lao động trên địa bàn tỉnh năm 2020, Bến Tre hiện có các DN là nhân tố ban đầu làm nền tảng phát triển thành DN dẫn đầu, cụ thể như sau: i) Về doanh thu có 60 DN, đạt doanh thu trên 200 tỷ đồng; 143 DN có doanh thu từ 50-200 tỷ đồng; ii) Về lao động có tham gia bảo hiểm xã hội: 11 DN sử dụng trên 1.000 lao động; 34 DN sử dụng từ 200-1.000 lao động; iii) Về nộp ngân sách nhà nước, có 38 DN nộp trên 05 tỷ đồng.

## III. KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC

<sup>2</sup> Lũy kế toàn tỉnh có 4.333 doanh nghiệp đang hoạt động. Trong đó: lĩnh vực CN- TTCN chiếm 26,57%; Nông-lâm-ngư nghiệp chiếm 6,76%; Thương mại-dịch vụ- ngân hàng chiếm 51,75%; ngành khác chiếm 22%

*Về phát triển hộ kinh doanh:* các hộ kinh doanh của tỉnh tuy có phát triển mạnh nhưng vẫn còn những tồn tại và yếu kém nhất định: quy mô nhỏ, thiếu vốn, máy móc, thiết bị, công nghệ lạc hậu; nguồn nhân lực còn hạn chế về chất lượng, nhất là trình độ quản lý còn yếu kém; thiếu mặt bằng sản xuất kinh doanh; thiếu thị trường tiêu thụ sản phẩm, khả năng cạnh tranh còn rất yếu. Đối với các hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển lên DN, đa số các hộ vẫn còn rất lo lắng, còn “xa lạ” với hệ thống sổ sách, kế toán và báo cáo thuế khi hoạt động theo mô hình DN, còn “mơ hồ” về các quy định liên quan đến bảo hiểm xã hội, an toàn vệ sinh thực phẩm, điều kiện kinh doanh,...

*Về phát triển DN:* số lượng DN tỉnh Bến Tre phát triển hàng năm tăng nhưng mức đóng góp của DN còn khá thấp so với các tỉnh, thành trong khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; quy mô DN tại Bến Tre là rất nhỏ, cơ cấu DN lớn chiếm tỷ trọng nhỏ và không có sự thay đổi trong thời gian dài.

*Về thương hiệu:* Bến Tre vẫn chưa có nhiều DN tư nhân lớn có thương hiệu quốc gia và quốc tế đủ sức cạnh tranh trên thị trường cả nước và toàn cầu. Sau hơn 10 năm gia nhập WTO và nhiều sân chơi thương mại quốc tế lớn, các DN trong tỉnh vẫn loay hoay với thị trường nội địa, kim ngạch xuất khẩu có lớn nhưng chưa gắn với những thương hiệu mạnh để định vị sản phẩm của Việt Nam trên thị trường tiêu thụ toàn cầu.

*Về ứng dụng khoa học và công nghệ:* việc ứng dụng KHCN, đặc biệt là công nghệ số vào sản xuất kinh doanh của DN trong tỉnh còn thấp; các DN sản xuất chưa mạnh dạn áp dụng công nghệ mới, nhằm cải tiến năng suất nâng cao chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

*Về năng lực cạnh tranh:* đa số DN gặp khó khăn về năng lực quản trị, tìm kiếm khách hàng, nguồn vốn do năng lực tài chính hạn chế cùng với khả năng tiếp cận các nguồn vốn không dễ, đối tác kinh doanh, nhân sự thích hợp, cơ sở hạ tầng, mặt bằng kinh doanh, biến động về chính sách và pháp luật.

*Về công tác tuyên truyền* vẫn còn nhiều bất cập, nhiều điểm nghẽn khiến nhiều hộ kinh doanh đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh hiện nay vẫn chưa tiếp cận được các thông tin và chính sách để hỗ trợ phát triển lên DN.

*Về công tác cải cách hành chính* mặc dù được quan tâm thực hiện có hiệu quả, rút ngắn đáng kể thời gian thực hiện các quy định, nhưng vẫn còn tình trạng chậm trễ, đặc biệt trong công tác phối hợp liên ngành.

*Về chính sách* cho phát triển các loại hình DN còn dàn trải và theo chiều rộng; một phần chưa thể thực hiện được do thiếu kinh phí. Chưa có những chính sách đột phá cho sự phát triển DN, đặc biệt là hỗ trợ DN vươn lên thành DN dẫn đầu.

*Về lao động:* nguồn lao động tại địa phương chưa đáp ứng yêu cầu cả về số

lượng và chất lượng, đặc biệt là lao động có trình độ cao. Nguồn lao động phổ thông cũng khó tuyển dụng và có nhiều biến động.

*Về thiên tai, dịch bệnh:* biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn gây ra những khó khăn, ảnh hưởng cho các DN, hộ kinh doanh và những rủi ro cho các nhà đầu tư trong phát triển lâu dài tại tỉnh. Dịch bệnh Covid-19 đang diễn biến phức tạp, làm suy giảm kinh tế thế giới ở tất cả các mặt từ sản xuất, đầu tư, thương mại, dịch vụ đến tiêu dùng và làm xáo trộn chuỗi cung ứng. Điều này có thể làm suy giảm đầu tư, sản xuất và xuất khẩu của các DN. Tình hình dịch bệnh kéo dài và những khó khăn về kinh tế trong nước, thất nghiệp gia tăng làm giảm tiêu dùng nội địa đang ảnh hưởng lớn đến đầu ra của các DN.

## **Phần II**

### **MỤC TIÊU, GIẢI PHÁP GIAI ĐOẠN 2021-2025**

#### **I. QUAN ĐIỂM, ĐỊNH HƯỚNG, MỤC TIÊU**

##### **1. Quan điểm, định hướng**

- Thực thi đầy đủ và hiệu quả các chính sách, quy định về hỗ trợ, phát triển DN, trong đó khu vực kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, khu vực kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng để phát triển kinh tế; củng cố niềm tin của cộng đồng DN, doanh nhân, nhằm khơi thông các điểm nghẽn, huy động, giải phóng các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh theo hướng thông thoáng, tạo thuận lợi cho DN đầu tư, kinh doanh và phát triển. Đơn giản hóa khâu tiền kiểm, tăng cường hậu kiểm dựa trên tiêu chuẩn, tiêu chí rõ ràng, minh bạch, hợp lý; nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ thực hiện hậu kiểm.

- Hỗ trợ các DN phục hồi và tăng trưởng, trong đó ưu tiên DN có khả năng dẫn dắt trong các ngành, lĩnh vực có lợi thế, tiềm năng tạo động lực tăng trưởng mới, DN có đóng góp lớn cho ngân sách nhà nước, các DN khởi nghiệp sáng tạo, DN KHCN.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

- Hỗ trợ DN thích ứng với tình hình mới, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, nhanh chóng phục hồi, tạo tiền đề để bứt phá, nâng cao năng lực cạnh tranh và lớn mạnh về quy mô.

- Phát triển mới 5.000 DN (trong đó có 1.500 DN chuyển từ hộ kinh doanh; 600 DN khởi nghiệp; 15 DN KHCN; 20 DN có vốn đầu tư nước ngoài; 50 DN có ứng dụng công nghệ số); xây dựng 100 DN dẫn đầu.

- Cải cách thủ tục hành chính, hỗ trợ DN trong việc tiếp cận vốn tín dụng, mặt bằng sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường giảm chi phí sản xuất kinh doanh của DN; 100% dịch vụ công thực hiện trên môi trường trực tuyến mức độ 4.

- Phân đầu giai đoạn 2021-2025 thu hút khoảng 02 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài; thu hút 40.000 tỷ đồng vốn đầu tư trong nước.

- Tỷ lệ đóng góp của DN ngoài quốc doanh vào ngân sách nhà nước hàng năm của tỉnh từ 25% trở lên.

- Duy trì thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh (PAPI) nằm trong Top 10 cả nước.

- Xây dựng cộng đồng DN, doanh nhân lớn mạnh, dẫn đầu về năng lực sản xuất, kinh doanh trên từng ngành, lĩnh vực, sản phẩm, tính cạnh tranh, thị phần trong và ngoài nước; Phân đầu thành lập từ 05-10 nhóm DN dẫn đầu trong các lĩnh vực, sản phẩm có tiềm năng lợi thế của tỉnh.

- Tỷ lệ lao động được đào tạo đạt 70%.

- Đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi dành cho DN.

## **II. GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN MỚI 5.000 DOANH NGHIỆP**

### **1. Tiếp tục đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, minh bạch, công bằng, tạo điều kiện để DN thuộc mọi thành phần kinh tế phát triển**

a) Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện - thành phố: đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo hình thức một cửa liên thông, đơn giản hóa và giảm bớt chi phí và thời gian trong lĩnh vực xây dựng, đất đai, môi trường, đăng ký kinh doanh, đăng ký đầu tư; kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân, cán bộ, công chức, viên chức suy thoái về đạo đức nghề nghiệp, cố tình gây nhiễu, chi phối khi thực thi công vụ, vi phạm quy định của pháp luật, làm chậm thời gian, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ được giao.

#### **b) Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Thực hiện nhất quán và triệt để hoạt động cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tập trung giải quyết các điểm nghẽn, bất cập làm cản trở DN phát triển; đảm bảo sự phát triển bình đẳng, hài hoà giữa mô hình kinh doanh mới và kinh tế truyền thống; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến; rà soát, kiến nghị bãi bỏ các quy định về điều kiện kinh doanh không phù hợp với lĩnh vực kinh doanh truyền thống để thích nghi với sự đa dạng và phát triển nhanh của nền kinh tế số, bao gồm kinh tế chia sẻ.

- Tiếp tục phát triển và tăng cường năng lực hệ thống các cơ quan, tổ chức hỗ trợ DN như hệ thống dịch vụ phát triển kinh doanh, vườn ươm DN, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, cơ sở kỹ thuật dùng chung hỗ trợ DN.

- Tăng tính liên kết giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội DN, hiệp hội ngành nghề trong việc xây dựng và triển khai các chương trình, chính sách hỗ trợ DN, đảm bảo tính đồng bộ và khả thi.

- Tham mưu và chủ động đẩy mạnh hoạt động của các Tổ công tác đặc biệt của UBND tỉnh để hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho DN, các dự án đầu tư bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19.

- Triển khai các hoạt động nhằm duy trì, nâng cao thứ hạng chỉ số PCI tỉnh Bến Tre hàng năm; tiếp tục triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh cấp Sở ban ngành và địa phương (DDCI) của Bến Tre.

- Đa dạng hình thức và nội dung tổ chức Họp mặt DN, diễn đàn đối thoại thường kỳ giữa Lãnh đạo tỉnh với DN; Cà phê DN nhằm hỗ trợ, hướng dẫn và kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho DN trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư.

- củng cố lại Tổ dịch vụ công tại Trung tâm Xúc tiến Đầu tư và Khởi nghiệp theo hướng đảm bảo một đầu mối hỗ trợ nhằm rút ngắn chi phí và thời gian cho DN, nhà đầu tư trước, trong và sau cấp phép và là địa điểm đầu mối tiếp nhận các khó khăn, vướng mắc của DN.

c) UBND các huyện - thành phố: tăng cường và đổi mới hình thức đối thoại giữa DN và chính quyền địa phương, nhằm kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc của DN và đánh giá thực chất quá trình xử lý các kiến nghị của cộng đồng DN.

d) Thanh tra tỉnh: có giải pháp chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra trùng lặp tại DN; tăng cường giám sát việc thực thi công vụ của các thành viên đoàn thanh tra, kiểm tra tại DN đảm bảo không gây những nhiễu, tạo áp lực cho DN. Kịp thời giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền liên quan đến lĩnh vực DN.

đ) Sở Nội vụ

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cả về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tính trách nhiệm, tận tụy trong thực thi công vụ.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp giữ vững thứ hạng các chỉ số PCI, PAPI nằm trong топ 10 cả nước, nâng cao chỉ số thứ hạng SIPAS, PAR-INDEX, ICT-INDEX vào nhóm 20 cả nước.

e) Các Hiệp hội, hội, câu lạc bộ DN: phát huy vai trò là cầu nối trong việc tiếp cận, phản ánh các khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các DN hội viên; tham gia góp ý, phản biện các chính sách, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

## **2. Phát triển hộ kinh doanh, đơn vị trực thuộc (chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) chuyển lên doanh nghiệp**

### **a) Cục thuế tỉnh**

- Rà soát số hộ kinh doanh có đủ điều kiện phát triển lên DN; cung cấp và hỗ trợ kịp thời các thông tin pháp lý, giải đáp liên quan đến chính sách, thủ tục về thuế ban đầu, các dịch vụ hỗ trợ liên quan cho DN mới thành lập; tuyên truyền, vận động, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi lên DN đảm bảo các hộ kinh doanh nắm được các lợi ích khi chuyển đổi lên DN.

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thống kê, Sở Lao động Thương binh và Xã hội rà soát số DN, hộ kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b) UBND các huyện, thành phố: thường xuyên tổ chức các sự kiện, diễn đàn, đối thoại nhằm tạo điều kiện để lãnh đạo địa phương gặp gỡ với các hộ kinh doanh để lắng nghe những khó khăn, vướng mắc, lo ngại của hộ kinh doanh khi chuyển lên DN và tìm hiểu các chính hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển lên DN.

### **c) Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Phối hợp các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện-thành phố: nghiên cứu ban hành chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển lên DN: chi phí thành lập DN; đào tạo nâng cao năng lực; đào tạo lao động; hỗ trợ các thủ tục có liên quan sau khi chuyển đổi lên DN; hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực; hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ; hỗ trợ tiếp cận mặt bằng sản xuất kinh doanh; hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường.

- Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao năng lực về quản trị DN, pháp lý, thị trường cho các hộ kinh doanh có tiềm năng, các DN sau chuyển đổi thông qua việc phối với các trường/trung tâm đào tạo uy tín và các doanh nhân thành đạt.

- Chủ trì phối hợp các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện-thành phố rà soát, đánh giá đúng thực trạng số DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh để có giải pháp duy trì hoạt động của các DN hiện hữu và phát triển DN mới.

## **3. Hỗ trợ tăng cường tiếp cận tài chính**

a) Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Bến Tre: triển khai các chính sách hỗ trợ lãi suất cho DN trong một số ngành bị tác động nặng nề bởi COVID-19; các ngân hàng xây dựng đội ngũ cán bộ để hỗ trợ trực tiếp các DN chuẩn bị các hồ sơ vay vốn hoặc hỗ trợ họ cấu trúc lại khoản vay; áp dụng các dịch vụ giải ngân trực tuyến. Nghiên cứu các giải pháp tạo điều kiện cho DN, cá

nhân có nhu cầu vay vốn tiếp cận nhanh các nguồn vốn ngân hàng; triển khai các giải pháp đồng hành cùng DN trong xây dựng vùng nguyên liệu tập trung.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh đề xuất cải thiện vận hành hiệu quả hơn các nguồn quỹ hiện có của tỉnh; kết nối tháo gỡ những khó khăn về tài chính cho DN; hỗ trợ DN tiếp cận các nguồn quỹ của trung ương; hỗ trợ cải thiện năng lực sản xuất đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật và môi trường.

c) Hiệp hội DN tỉnh: đẩy mạnh các hoạt động, sự kiện kết nối với các nguồn tài chính để các DN có thể tiếp cận được nhiều thông tin hơn từ các quỹ tín dụng.

#### **4. Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo**

a) Sở Khoa học và Công nghệ

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp, chính sách tạo điều kiện cho DN tiếp cận Quỹ phát triển KH&CN quốc gia và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; kết nối triển khai các hoạt động có liên quan với Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (NSSC) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Hướng dẫn và hỗ trợ tổ chức hoạt động nghiên cứu và phát triển trong DN. Thực hiện kết nối với các cơ sở khoa học để chuyển giao và tư vấn cải tiến hay nâng cao kỹ thuật công nghệ sản xuất kinh doanh của DN. Phát triển đội ngũ DN sáng tạo công nghệ, giải pháp khoa học.

- Hỗ trợ, hướng dẫn DN áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng cơ bản, đẩy mạnh áp dụng hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất chất lượng đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về hệ thống quản lý mới được công bố.

- Hỗ trợ DN chứng nhận sản phẩm, hàng hóa, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (GAP), thực hành nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh; thực hiện các hoạt động chuyển giao công nghệ, ứng dụng máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến, tự động hóa, công nghệ 4.0 vào các ngành sản xuất công nghiệp; đổi mới nâng cấp quy trình sản xuất công nghệ theo hướng sản xuất sạch, tiết kiệm năng lượng, tái sử dụng các nguồn nguyên liệu hoặc các sản phẩm có tính bảo vệ môi trường, bền vững.

b) Phối hợp Sở Công Thương, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông: tổ chức thực hiện hiệu quả Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong DN, hợp tác xã, cơ sở kinh doanh giai đoạn 2021-2025. Hỗ trợ DN chuyển đổi số từ căn bản đến chuyên sâu; ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Phối hợp Sở KH&CN và các đơn vị liên quan, vận hành có hiệu quả Không gian đổi mới sáng tạo MeKong (Mekong Innovation Hub) là nơi tập trung các hoạt động tư vấn, hỗ trợ, nâng cao năng lực DN khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức Ngày Đổi mới sáng tạo thường niên, đẩy mạnh phổ biến, triển lãm các sản phẩm, công cụ, nền tảng mới nhằm khơi dậy đam mê, vinh danh sáng tạo của DN Việt.

- Kết nối, liên kết các thành tố trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (DN, quỹ đầu tư, viện nghiên cứu, trường đại học, chuyên gia, cố vấn, các tổ chức, cá nhân hỗ trợ đổi mới sáng tạo...).

- Tổ chức hiệu quả Diễn đàn thường niên kết nối quỹ đầu tư đổi mới sáng tạo Việt Nam và Mạng lưới đổi mới sáng tạo quốc gia.

d) Đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn trong DN

- Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện-thành phố: Xây dựng vùng nguyên liệu theo hướng sản xuất tuần hoàn (nông nghiệp, sản xuất chế biến, năng lượng tái tạo), đồng thời số hóa nhằm hoàn thiện chuỗi giá trị khép kín, bền vững.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Thu hút các dự án đầu tư có vận dụng kinh tế tuần hoàn trong sản xuất kinh doanh, kết nối và hình thành chuỗi giá trị bền vững. Lồng ghép nội dung kinh tế tuần hoàn vào chương trình đào tạo, sự kiện...

- Sở Khoa học và Công nghệ: hỗ trợ DN tiếp cận công nghệ sản xuất hiện đại, chế biến sâu, tối ưu hóa nguồn nguyên liệu, từng bước giảm thiểu lượng phế phẩm sau sản xuất, hướng đến sản xuất không phát thải. Nhân rộng các mô hình về giảm thiểu, thu hồi, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải, các mô hình kinh tế tuần hoàn tài nguyên, nguyên vật liệu trong hoạt động sản xuất.

- Ban quản lý các Khu công nghiệp, Sở Công Thương: xây dựng mô hình thí điểm liên kết các DN trong khu, cụm công nghiệp theo hướng tuần hoàn, trong đó phế phẩm của DN này được sử dụng làm đầu vào của DN khác.

## **5. Phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cho doanh nghiệp, đào tạo, tư vấn nâng cao kỹ năng, chuyển đổi ngành nghề lao động, lĩnh vực kinh doanh mới**

a) UBND các huyện - thành phố: khuyến khích các DN sử dụng nhiều lao động đã qua đào tạo nghề nghiệp. Đề xuất thành lập bộ phận kiêm nhiệm của địa phương thực hiện việc kết nối giữa giáo dục nghề nghiệp với DN để DN thuận lợi tham gia vào hoạt động giáo dục nghề nghiệp.

b) Sở Lao động Thương binh và Xã hội

- Đổi mới công tác đào tạo nghề, gắn kết chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo với DN, bảo đảm vừa cung cấp đủ lao động đã qua đào tạo phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của các DN.

- Nâng cao chất lượng giới thiệu việc làm, thu hút nhân lực có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao đáp ứng được yêu cầu của DN. Rà soát, hướng dẫn các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp trong xây dựng kế hoạch đào tạo nghề, chú trọng đào tạo theo hướng đơn đặt hàng và đón đầu xu hướng phát triển mới; tạo mối quan hệ liên thông và gắn kết giữa 03 nhân tố: trường đào tạo, cơ sở sản xuất và trung tâm xúc tiến việc làm để thiết lập “kênh phân phối lao động” với nguồn thông tin rõ ràng, đảm bảo cho việc nắm bắt và đáp ứng tốt nhu cầu thị trường lao động.

- Đẩy mạnh triển khai hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động đang làm việc trong DN nhỏ và vừa theo Luật Hỗ trợ DN nhỏ và vừa; hỗ trợ lao động bị thất nghiệp để quay lại thị trường lao động và hỗ trợ DN trong việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động nhất là cho lao động bị thất nghiệp do tác động bởi COVID-19.

- Nghiên cứu đề xuất cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực, thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ các ngành có nhu cầu.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư: đào tạo khởi sự DN, kỹ năng quản trị DN từ cơ bản đến nâng cao theo nhu cầu của các hội, hiệp hội, các DN và các tổ chức khác nhằm hỗ trợ thúc đẩy thực hiện hoạt động khởi nghiệp, phát triển DN trên địa bàn tỉnh; tăng cường hoạt động kết nối các tổ chức, chuyên gia đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.

d) Các hội, hiệp hội, DN: nâng cao vai trò các hội, hiệp hội, DN trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cải tiến quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm trong DN.

## **6. Tăng cường liên kết DN, tham gia chuỗi giá trị**

a) Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện - thành phố

- Nghiên cứu, đánh giá các chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng mà DN có năng lực, tiềm năng đóng vai trò dẫn dắt trong chuỗi, hoặc có khả năng giữ vai trò ở các khâu quan trọng của chuỗi để tiếp tục đề xuất các cơ chế, chính sách mới có tính đột phá, hỗ trợ nâng cao vị trí của DN trong chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Rà soát và lựa chọn các sản phẩm đặc trưng của từng địa phương để xây dựng, hoàn thiện chuỗi giá trị nhằm phát triển mạnh và bền vững nền nông nghiệp của tỉnh.

- Hỗ trợ hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu và truy xuất đối với các hàng hóa, nông sản, thực phẩm thiết yếu, tận dụng sức mua của thị trường nội địa.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ DN nhỏ và vừa để thu hút DN tham gia cụm liên kết chuỗi giá trị, tập trung vào công nghiệp chế biến dứa,

thủy sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, nông nghiệp và các ngành công nghiệp có tiềm năng phát triển khác.

- Phối hợp Sở Công Thương, Ban quản lý các khu công nghiệp nghiên cứu, sửa đổi bổ sung các chính sách về phát triển các khu, cụm công nghiệp trong đó có quy định dành tỉ lệ nhất định cho các DN nhỏ và vừa thuê mặt bằng; chính sách khuyến khích, tạo điều kiện để thu hút đầu tư từ DN trong nước và DN FDI vào sản xuất nguyên phụ liệu; xây dựng cơ chế thúc đẩy sự liên kết giữa DN sản xuất nguyên phụ liệu với các DN sản xuất sản phẩm tạo thành chuỗi liên kết khép kín, đáp ứng yêu cầu về quy tắc xuất xứ.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ: triển khai các giải pháp hỗ trợ hình thành và phát triển chuỗi liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ, xuất khẩu và truy xuất đối với các hàng hóa, nông sản, thực phẩm thiết yếu, tận dụng sức mua của thị trường nội địa.

## **7. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến đầu tư thu hút doanh nghiệp, nhà đầu tư đầu tư vào tỉnh**

a) Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện - thành phố: hàng năm chủ động đề xuất danh mục dự án thu hút đầu tư đảm bảo có sự chọn lọc và định kỳ được rà soát để loại bỏ các dự án không còn phù hợp đưa ra khỏi danh mục; đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn huyện; đẩy nhanh công tác quy hoạch chi tiết các cụm công nghiệp; đánh giá, rà soát lại quỹ đất công trên địa bàn để tạo quỹ đất thu hút đầu tư.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai các hoạt động sau:

- Số hóa cơ sở dữ liệu phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư trên toàn tỉnh, giúp cho các nhà đầu tư tiếp cận, cập nhật thông tin và địa điểm thu hút đầu tư thuận tiện và dễ dàng.

- Phối hợp với Ban quản lý các Khu công nghiệp: Nghiên cứu đề xuất cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đầu tư phát triển; chính sách thu hút và sử dụng nguồn nhân lực trình độ cao; tham mưu xây dựng các quy định về trình tự thực hiện lựa chọn nhà đầu tư; thực hiện việc lựa chọn được các nhà đầu tư có năng lực, kinh nghiệm, công nghệ tiên tiến; công khai, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

- Tổ chức xúc tiến đầu tư trực tiếp, gián tiếp thông qua các hình thức trực tuyến, gửi tài liệu và chủ động tổ chức tiếp xúc trực tiếp với các nhà đầu tư tiềm năng, có năng lực thực sự; gián tiếp thông qua các Đại sứ quán Việt Nam tại nước ngoài và các Bộ ngành liên quan khác. Tập trung vào các thị trường truyền thống của Việt Nam như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore, Mỹ và các đối tác là thành viên của Hiệp định CPTPP, EVFTA và EVIPA; các đối tác chiến lược: Amcham, Eurocham, Korcham, Jetro.

- Đẩy mạnh các hoạt động phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Công Thương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, các tổ chức xúc tiến: Jetro, Kotra, Hiệp hội đầu tư nước ngoài, các tham tán đầu tư và thương mại Việt Nam ở các nước, trong đó trọng tâm là: Nhật Bản, Hàn Quốc, các quốc gia thuộc EVFTA; CPTPP; Singapore; Thái Lan để tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Cân đối vốn ngân sách hỗ trợ một phần chi phí giải phóng mặt bằng, đầu tư cơ sở hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, đầu tư hạ tầng (điện, nước, giao thông) đến hàng rào khu, cụm công nghiệp. Đẩy mạnh hoạt động thu hút các nguồn vốn từ các DN tham gia đầu tư khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng kế hoạch thu hút các dự án đầu tư theo từng nhóm (trong nước, FDI), ưu tiên lựa chọn các dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường trong các lĩnh vực tỉnh có lợi thế, tập trung các lĩnh vực chế biến sản phẩm nông nghiệp, thủy sản, đô thị thông minh, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp xanh.

c) Sở Tài nguyên và Môi trường: triển khai có hiệu quả quy định về tạo quỹ đất sạch để khai thác thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh<sup>3</sup>.

## **8. Đẩy mạnh kết nối thị trường và xúc tiến thương mại**

### **a) Sở Công Thương**

- Đẩy mạnh triển khai và đa dạng hóa hình thức các chương trình xúc tiến thương mại quốc gia, phát triển thị trường trong nước, xây dựng thương hiệu quốc gia<sup>4</sup>; tăng cường đào tạo, tư vấn, cung cấp thông tin cho DN để tận dụng lợi thế của các hiệp định thương mại tự do.

- Nghiên cứu, thành lập các tổ chức/hiệp hội thương mại và sản phẩm nhằm mục tiêu phát triển ngành theo hướng các tổ chức, hiệp hội sẽ là đại diện cho ngành, giới thiệu các chiến lược kinh doanh chuyên nghiệp và hiệu quả, nghiên cứu tài chính, theo đuổi các sáng kiến hợp tác, tiếp thị và thông tin, hỗ trợ DN đăng ký chứng nhận vệ sinh/chất lượng... Vận hành có hiệu quả Sàn giao dịch thương mại điện tử Bến Tre.

- Hỗ trợ các DN nâng cao năng lực phát triển sản phẩm, đáp ứng các tiêu chí để đạt chứng nhận quốc tế cho sản phẩm như EuroGAP, VietGAP, GlobalGAP; kết nối chuyên gia thiết kế và marketing trong và ngoài nước để cùng DN nghiên cứu, cải tiến mẫu mã, bao bì sản phẩm, nhận diện thương hiệu, giúp gia tăng giá trị sản phẩm xuất khẩu.

<sup>3</sup> Quyết định số 39/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về tạo quỹ đất sạch để khai thác, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre

<sup>4</sup> Quyết định số 1320/QĐ-TTg ngày 08/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam từ năm 2020 đến năm 2030

- Thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị sản xuất kinh doanh và phát triển thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt, phát triển các phương thức kinh doanh hiện đại phù hợp với nền kinh tế số và hậu COVID-19. Hỗ trợ DN hình thành chuỗi sản xuất, cung ứng, liên kết trong nước trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư: nghiên cứu, đánh giá và đề xuất áp dụng thí điểm các cơ chế hợp tác công tư hoặc thể chế vận hành chuyên nghiệp, hiệu quả các mô hình cơ quan, đơn vị, tổ chức hỗ trợ DN.

c) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: triển khai có hiệu quả chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP) tỉnh Bến Tre.

d) Các hội, hiệp hội, câu lạc bộ DN: thường xuyên trao đổi, làm việc với các sở, ban, ngành về những vấn đề liên quan đến tình hình sản xuất, kinh doanh của DN hội viên; tuyên truyền, vận động hội viên tham gia các chương trình, hội nghị quảng bá sản phẩm, kích cầu tiêu dùng và xúc tiến thương mại trong nước và ngoài nước.

## **9. Phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo**

### **a) Sở Khoa học và Công nghệ**

- Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tạo điều kiện cho các DN tiếp cận và sử dụng hiệu quả Quỹ phát triển KH&CN quốc gia và Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia; kết nối triển khai các hoạt động có liên quan với Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (NSSC) thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Thúc đẩy KHCN và đổi mới sáng tạo trong hoạt động của DN: đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền về vai trò, vị trí của KHCN và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ DN nghiên cứu, phát triển, làm chủ công nghệ và chủ động trong sản xuất; rà soát hoàn thiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, DN đầu tư nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng tiến bộ KHCN vào sản xuất, kinh doanh.

- Hỗ trợ phát triển DN KHCN: thúc đẩy liên kết viện, trường, các trung tâm nghiên cứu ứng dụng KHCN và DN, nhằm hỗ trợ hình thành và phát triển DN KHCN; đẩy mạnh hoạt động truyền thông về DN KHCN để nâng cao giá trị thương hiệu, tạo uy tín đối với người tiêu dùng, giúp thương hiệu “DN KHCN” trở thành thương hiệu mạnh.

- Xây dựng cơ chế giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu sử dụng ngân sách nhà nước; cơ chế phân chia lợi nhuận thu được từ thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

- Triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ DN KHCN, DN đổi mới sáng tạo của trung ương và địa phương.

- Phối hợp với các đơn vị liên quan, tổ chức các cuộc thi đổi mới sáng tạo trong DN KHCN để tìm kiếm các lĩnh vực, mô hình kinh doanh mới thay thế mô

hình kinh doanh truyền thống, thích ứng biến đổi khí hậu, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

**b) Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Xây dựng mô hình điển hình khởi nghiệp - đổi mới sáng tạo; tập trung vào các lĩnh vực ưu tiên của tỉnh (du lịch, nông nghiệp, công nghệ số....) và chuỗi giá trị 08 sản phẩm chủ lực của tỉnh (dừa, bưởi da xanh, chôm chôm, nhãn, hoa kiểng, bò, heo, tôm biển).

- Phát huy vai trò thúc đẩy, dẫn dắt hoạt động đổi mới sáng tạo tại Không gian đổi mới sáng tạo Mekong (Mekong Innovation Hub).

**c) Các hội, hiệp hội, câu lạc bộ DN:** nâng cao vai trò các hội, hiệp hội, câu lạc bộ DN trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo và cải tiến quy trình sản xuất, chất lượng sản phẩm trong DN; tăng cường hoạt động kết nối các tổ chức, chuyên gia đổi mới sáng tạo trong và ngoài nước.

### **III. GIẢI PHÁP XÂY DỰNG 100 DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU**

#### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư**

- Xây dựng bộ tiêu chí xác định DN dẫn đầu trên địa bàn tỉnh gồm Bộ tiêu chí chung và Bộ tiêu chí đối với DN dẫn dắt theo chuỗi giá trị; ngành hàng; trong các lĩnh vực, sản phẩm như chế biến các sản phẩm từ dừa, thủy hải sản, trái cây/cây ăn trái, cây giống, công nghiệp hỗ trợ và năng lượng tái tạo, vận chuyển/logistic, dịch vụ du lịch, xuất nhập khẩu, xây dựng...

- Phân loại DN nhằm định lượng và xếp loại DN theo tiêu chí DN nhỏ, siêu nhỏ, DN có quy mô vừa, quy mô lớn trong tổng số DN đang hoạt động trên địa bàn tỉnh; phân loại DN theo vốn, lao động, KHCN, sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm được người tiêu dùng bình chọn nhiều nhất, thị phần xuất khẩu và tiêu thụ trong nước; DN có doanh số, lợi nhuận nhiều nhất, có hệ thống quản lý chất lượng tốt nhất, có thương hiệu các sản phẩm. Có ít nhất từ 5 đến 10 nhóm được thành lập đến năm 2020 để đóng vai trò là DN chủ lực của tỉnh Bến Tre trong thời kỳ hội nhập.

- Củng cố, mở rộng Câu lạc bộ DN dẫn đầu tỉnh Bến Tre; phát huy vai trò kết nối các nguồn lực trong và ngoài tỉnh, câu lạc bộ doanh nhân tỉnh Bến Tre tại thành phố Hồ Chí Minh để tăng cường công tác xúc tiến mời gọi đầu tư để thu hút các DN vừa và lớn, DN công nghệ, DN công nghệ thông tin đầu tư vào khu cụm công nghiệp.

- Xây dựng các chương trình hỗ trợ cho Nhóm DN dẫn đầu về các kỹ năng, tính sáng tạo, đổi mới ở cấp cao hơn, cấp khu vực và quốc tế trong các hoạt động trợ giúp phát triển DN.

- Xây dựng chính sách ưu đãi, hỗ trợ DN dẫn đầu về đầu tư kinh doanh, cải tiến công nghệ, nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, xây dựng thương

hiệu, giữ vững và mở rộng thị trường, phát huy vai trò DN dẫn đầu; cơ chế, chính sách hỗ trợ nâng cao vị trí của DN Bến Tre trong chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng trong nước và quốc tế.

- Hàng năm, tổ chức tôn vinh các DN dẫn đầu về hoạt động sản xuất, kinh doanh; có đóng góp lớn để tạo ra giá trị sản xuất, doanh số, xuất khẩu, việc làm, tham gia liên kết tốt trong các chuỗi, tính cạnh tranh, sáng tạo nhằm tôn vinh sự đóng góp của DN vào sự nghiệp phát triển kinh tế của tỉnh nhà.

- Đề xuất cơ chế thí điểm giao một số DN lớn, dẫn đầu hỗ trợ triển khai kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tại một số xã khó khăn trong tỉnh.

**2. Sở Tài nguyên và Môi trường:** rà soát, thống kê nhu cầu đất đai trong và ngoài khu, cụm công nghiệp cho DN có tiềm năng đăng ký đầu tư, thuê mặt bằng.

**3. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Bến Tre:** đẩy mạnh triển khai, thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng ưu đãi đối với DN, nhất là DN nhỏ và vừa, DN khởi nghiệp, DN KHCN; tăng cường kết nối với các DN dẫn đầu tham gia liên kết phát triển chuỗi giá trị sản phẩm.

**4. Sở Công Thương:** Cải tiến phương thức xúc tiến thương mại, đầu tư, lấy nhóm DN dẫn đầu làm trung tâm, gắn DN và sản phẩm cụ thể, tránh quảng bá chung chung không theo nhu cầu của DN. DN dẫn đầu đề xuất và trực tiếp tổ chức các chương trình, sự kiện xúc tiến, kết nối thị trường trong và ngoài nước bằng ngân sách do nhà nước hỗ trợ (một phần hoặc toàn bộ trong chương trình xúc tiến hàng năm).

**5. Các sở, ngành tỉnh, UBND các huyện - thành phố:** Đề xuất chính sách cần thiết hỗ trợ thúc đẩy DN phục hồi và phát triển, đặc biệt là các DN có quy mô lớn, có vai trò dẫn dắt trong một số ngành, lĩnh vực. Phối hợp với sở Kế hoạch và Đầu tư triển khai xây dựng đội ngũ DN dẫn đầu.

**6. Các hội, hiệp hội, câu lạc bộ DN trên địa bàn tỉnh:** củng cố, phát triển thành viên đảm bảo vai trò dẫn dắt trong các hoạt động, là cầu nối giữ chính quyền địa phương với DN hội viên.

### Phần III

#### KINH PHÍ

**1. Nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước:** hàng năm các sở, ban, ngành tỉnh, địa phương, đơn vị có liên quan, chủ động xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ được giao gửi Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy

ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo đúng quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và trong phạm vi khả năng cân đối ngân sách hàng năm của tỉnh.

**2. Nguồn vốn khác:** lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, xã hội hóa, huy động nguồn lực từ các DN để triển khai và các nguồn vốn hợp pháp khác.

## **Phần IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trên cơ sở các nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch này, căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện - thành phố trực tiếp chỉ đạo, cụ thể hóa thành kế hoạch của ngành, địa phương mình để tổ chức thực hiện; tổng hợp kết quả đạt được, những vấn đề khó khăn, tồn tại và kịp thời đề xuất kiến nghị để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; định kỳ hàng tháng (tóm tắt tình hình, kết quả thực hiện bổ sung vào báo cáo tháng) và mỗi quý 01 lần báo cáo sâu kết quả thực hiện, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh.

2. Chủ tịch UBND các huyện-thành phố, chủ động phối hợp với thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện các công việc thuộc trách nhiệm của địa phương mình. Đối với những vấn đề vượt thẩm quyền, báo cáo về UBND tỉnh để xem xét, chỉ đạo kịp thời.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND huyện-thành phố theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo UBND.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND huyện-thành phố và các đơn vị liên quan phối hợp triển khai thực hiện đạt kết quả Kế hoạch này./.

**Nơi nhận:** (Kèm Phụ lục)

- TT.TU; TT.HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, TP. Bến Tre;
- Các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp;
- Câu lạc bộ DN dẫn đầu tỉnh Bến Tre;
- Báo ĐT, Đài PTTH Bến Tre;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh;
- Phòng NC: KT, TCĐT, TH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trúc Sơn**

**Phụ lục I**  
**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG PHÁT TRIỂN 5.000 DOANH NGHIỆP GIAI**  
**ĐOẠN 2021-2025 THEO TỪNG NHÓM DOANH NGHIỆP**  
*(Kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày    tháng    năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

---

| <b>Loại hình/Năm</b>                | <b>2021</b> | <b>2022</b> | <b>2023</b> | <b>2024</b>  | <b>2025</b>  | <b>2021-2025</b> |
|-------------------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|------------------|
| Hộ chuyển lên doanh nghiệp          | 25          | 337         | 374         | 400          | 364          | 1.500            |
| Doanh nghiệp khởi nghiệp            | 60          | 110         | 133         | 144          | 153          | 600              |
| Doanh nghiệp FDI                    | 2           | 4           | 5           | 5            | 4            | 20               |
| Nhà đầu tư và DN thành lập mới khác | 548         | 324         | 438         | 606          | 864          | 2.880            |
| <b>TỔNG</b>                         | <b>640</b>  | <b>800</b>  | <b>980</b>  | <b>1.180</b> | <b>1.400</b> | <b>5.000</b>     |

**Phụ lục II**  
**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG PHÁT TRIỂN 5.000 DOANH NGHIỆP**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày    tháng    năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

---

| <b>Huyện, thành phố/Năm</b> | <b>2021</b> | <b>2022</b> | <b>2023</b> | <b>2024</b>  | <b>2025</b>  | <b>2021-2025</b> |
|-----------------------------|-------------|-------------|-------------|--------------|--------------|------------------|
| Giồng Trôm                  | 46          | 73          | 85          | 114          | 132          | 450              |
| Bình Đại                    | 63          | 84          | 99          | 116          | 138          | 500              |
| Ba Tri                      | 46          | 74          | 87          | 112          | 131          | 450              |
| Chợ Lách                    | 45          | 70          | 84          | 108          | 143          | 450              |
| Thạnh Phú                   | 51          | 77          | 88          | 102          | 132          | 450              |
| Châu Thành                  | 94          | 105         | 130         | 164          | 207          | 700              |
| Mỏ Cày Nam                  | 50          | 60          | 103         | 110          | 127          | 450              |
| Mỏ Cày Bắc                  | 50          | 57          | 72          | 82           | 89           | 350              |
| TP.Bến Tre                  | 195         | 200         | 232         | 272          | 301          | 1200             |
| <b>Tổng</b>                 | <b>640</b>  | <b>800</b>  | <b>980</b>  | <b>1.180</b> | <b>1.400</b> | <b>5.000</b>     |

**Phụ lục III**  
**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP CHUYÊN TỪ**  
**HỘ KINH DOANH GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày    tháng    năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

---

| <b>Huyện, thành phố/Năm</b> | <b>2021</b> | <b>2022</b> | <b>2023</b> | <b>2024</b> | <b>2025</b> | <b>2021-2025</b> |
|-----------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|
| Giồng Trôm                  | 2           | 28          | 32          | 35          | 33          | 130              |
| Bình Đại                    | 3           | 30          | 32          | 34          | 31          | 130              |
| Ba Tri                      | 2           | 27          | 29          | 30          | 32          | 120              |
| Chợ Lách                    | 2           | 27          | 28          | 28          | 25          | 110              |
| Thạnh Phú                   | 2           | 28          | 32          | 35          | 33          | 130              |
| Châu Thành                  | 3           | 45          | 47          | 50          | 45          | 190              |
| Mỏ Cày Nam                  | 3           | 26          | 27          | 29          | 25          | 110              |
| Mỏ Cày Bắc                  | 2           | 26          | 27          | 29          | 26          | 110              |
| TP Bến Tre                  | 6           | 100         | 120         | 130         | 114         | 470              |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>25</b>   | <b>337</b>  | <b>374</b>  | <b>400</b>  | <b>364</b>  | <b>1.500</b>     |

**Phụ lục IV**  
**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DOANH**  
**NGHIỆP KHỞI NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày    tháng    năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

---

| <b>Huyện, thành phố/Năm</b> | <b>2021</b> | <b>2022</b> | <b>2023</b> | <b>2024</b> | <b>2025</b> | <b>2021-2025</b> |
|-----------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|
| Giồng Trôm                  | 3           | 7           | 8           | 10          | 12          | 40               |
| Bình Đại                    | 3           | 6           | 9           | 10          | 12          | 40               |
| Ba Tri                      | 4           | 7           | 7           | 8           | 9           | 35               |
| Chợ Lách                    | 5           | 6           | 8           | 11          | 10          | 40               |
| Thạnh Phú                   | 3           | 7           | 8           | 9           | 8           | 35               |
| Châu Thành                  | 9           | 17          | 18          | 20          | 21          | 85               |
| Mỏ Cày Nam                  | 5           | 9           | 10          | 10          | 11          | 45               |
| Mỏ Cày Bắc                  | 3           | 6           | 9           | 10          | 12          | 40               |
| TP Bến Tre                  | 25          | 45          | 56          | 56          | 58          | 240              |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>60</b>   | <b>110</b>  | <b>133</b>  | <b>144</b>  | <b>153</b>  | <b>600</b>       |

**Phụ lục V**  
**PHÂN BỐ SỐ LƯỢNG PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU**  
**GIAI ĐOẠN 2021-2025 THEO ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Kèm theo Kế hoạch số        /KH-UBND ngày    tháng    năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

| <b>Huyện, thành phố/Năm</b> | <b>2021</b> | <b>2022</b> | <b>2023</b> | <b>2024</b> | <b>2025</b> | <b>2021-2025</b> |
|-----------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------------|
| Giồng Trôm                  | 0           | 2           | 2           | 2           | 3           | 9                |
| Bình Đại                    | 1           | 3           | 5           | 4           | 2           | 15               |
| Ba Tri                      | 0           | 1           | 2           | 3           | 3           | 9                |
| Chợ Lách                    | 0           | 1           | 2           | 1           | 1           | 5                |
| Thạnh Phú                   | 0           | 2           | 3           | 3           | 2           | 10               |
| Châu Thành                  | 2           | 6           | 6           | 5           | 1           | 20               |
| Mỏ Cày Nam                  | 0           | 2           | 2           | 2           | 1           | 7                |
| Mỏ Cày Bắc                  | 0           | 2           | 2           | 2           | 1           | 7                |
| TP Bến Tre                  | 2           | 6           | 6           | 3           | 1           | 18               |
| <b>Tổng cộng</b>            | <b>5</b>    | <b>25</b>   | <b>30</b>   | <b>25</b>   | <b>15</b>   | <b>100</b>       |

## **Phụ lục VI**

### **TIÊU CHÍ VÀ XẾP LOẠI DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

---

#### **1. Giải thích từ ngữ**

- Doanh nghiệp dẫn đầu: là doanh nghiệp trong và ngoài nước, 100% vốn tư nhân, đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre, thỏa điều kiện theo “Tiêu chí doanh nghiệp dẫn đầu”.

- Doanh nghiệp dẫn đầu chuỗi sản phẩm chủ lực: là doanh nghiệp trong và ngoài nước, 100% vốn tư nhân, đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre, có tính chất dẫn dắt, định hướng, kiểm soát toàn bộ hoặc các công đoạn khác nhau thuộc chuỗi giá trị sản phẩm chủ lực của tỉnh (cây dừa, cây ăn trái, cây giống-hoa kiểng, con heo, con bò, tôm)<sup>5</sup>.

#### **2. Tiêu chí xác định doanh nghiệp dẫn đầu**

Xác định dựa trên 04 tiêu chí chính, phân theo 02 lĩnh vực (Lĩnh vực 1: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, công nghiệp; Lĩnh vực 2: Thương mại, dịch vụ). Một doanh nghiệp có thể thỏa một hoặc nhiều tiêu chí dẫn đầu.

a) *Tiêu chí “Quy mô hoạt động”*: đánh giá dựa trên tiêu chí doanh thu kết hợp lao động có tham gia BHXH của doanh nghiệp)<sup>6</sup>

- Lĩnh vực 1: doanh thu tối thiểu 200 tỷ đồng, lao động tối thiểu 200 người.

- Lĩnh vực 2: doanh thu tối thiểu 300 tỷ đồng, lao động tối thiểu 100 người.

b) *Tiêu chí “An sinh xã hội”*: đánh giá dựa trên tiêu chí lao động có tham gia BHXH của doanh nghiệp

- Lĩnh vực 1: lao động tối thiểu 400 người.

- Lĩnh vực 2: lao động tối thiểu 300 người.

c) *Tiêu chí “Đóng góp ngân sách địa phương”*: đánh giá dựa trên tiêu chí Nộp thuế nhà nước

- Lĩnh vực 1: nộp thuế tối thiểu 05 tỷ đồng/năm.

- Lĩnh vực 2: nộp thuế tối thiểu 10 tỷ đồng/năm.

d) *Tiêu chí “Hiệu quả hoạt động”*: đánh giá dựa trên tiêu chí Lợi nhuận trước thuế

- Lĩnh vực 1: lợi nhuận trước thuế tối thiểu 20 tỷ đồng/năm.

---

<sup>5</sup> 06 nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh theo Kế hoạch số 2790/KH-UBND ngày 24/5/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2021-2025.

<sup>6</sup> Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

- Lĩnh vực 2: lợi nhuận trước thuế tối thiểu 30 tỷ đồng/năm.

Ngoài 04 nhóm tiêu chí trên, doanh nghiệp có thêm 07 tiêu chí bổ sung hỗ trợ xếp hạng gồm: hạch toán độc lập và có tư cách pháp nhân riêng, tuân thủ tốt chính sách pháp luật nhà nước, tham gia tốt các hoạt động địa phương phát động, giữ vị trí doanh nghiệp dẫn đầu trong nhiều năm liên tục, doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Tuỳ theo tình hình thực tế, bộ tiêu chí sẽ được điều chỉnh, bổ sung phù hợp với thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

### **3. Xếp loại doanh nghiệp dẫn đầu**

Doanh nghiệp được xếp hạng trên cơ sở tính điểm hàng năm (kèm theo phụ lục Thang điểm tiêu chí doanh nghiệp dẫn đầu):

- Dẫn đầu hạng A: nếu doanh nghiệp dẫn đầu trên 04 tiêu chí hoặc đạt 100% điểm thuộc 01 tiêu chí dẫn đầu.
- Dẫn đầu hạng B: nếu doanh nghiệp dẫn đầu trên 03 tiêu chí hoặc đạt trên 75% điểm thuộc 01 tiêu chí dẫn đầu.
- Dẫn đầu hạng C: nếu doanh nghiệp dẫn đầu trên 02 tiêu chí hoặc đạt trên 50% điểm thuộc 01 tiêu chí dẫn đầu.
- Dẫn đầu hạng D: nếu doanh nghiệp dẫn đầu trên 01 tiêu chí hoặc đạt dưới 50% điểm thuộc 01 tiêu chí dẫn đầu.

**Phụ lục VII**  
**THANG ĐIỂM DOANH NGHIỆP DẪN ĐẦU**  
*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

| TT  | Tiêu chuẩn                                               | Điểm tối đa | Thang điểm chi tiết | Điểm tối thiểu |
|-----|----------------------------------------------------------|-------------|---------------------|----------------|
| A   | TIÊU CHÍ CHUNG                                           | 60          |                     |                |
| 1   | QUY MÔ HOẠT ĐỘNG                                         | 8           |                     | 2              |
| 1.1 | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, công nghiệp |             |                     |                |
|     | Doanh thu                                                | 4           |                     |                |
|     | - Trên 200 tỷ đồng                                       |             | 1                   |                |
|     | - Trên 500 tỷ đồng                                       |             | 2                   |                |
|     | - Trên 800 tỷ đồng                                       |             | 3                   |                |
|     | - Trên 1.000 tỷ đồng                                     |             | 4                   |                |
|     | Lao động                                                 | 4           |                     |                |
|     | - Trên 200 người                                         |             | 1                   |                |
|     | - Trên 250 người                                         |             | 2                   |                |
|     | - Trên 300 người                                         |             | 3                   |                |
|     | - Trên 350 người                                         |             | 4                   |                |
| 1.2 | Thương mại, dịch vụ                                      |             |                     |                |
|     | Doanh thu                                                | 4           |                     |                |
|     | - Trên 300 tỷ đồng                                       |             | 1                   |                |
|     | - Trên 600 tỷ đồng                                       |             | 2                   |                |
|     | - Trên 900 tỷ đồng                                       |             | 3                   |                |
|     | - Trên 1.200 tỷ đồng                                     |             | 4                   |                |
|     | Lao động                                                 | 4           |                     |                |
|     | - Trên 100 người                                         |             | 1                   |                |
|     | - Trên 150 người                                         |             | 2                   |                |
|     | - Trên 200 người                                         |             | 3                   |                |
|     | - Trên 250 người                                         |             | 4                   |                |
| 2   | AN SINH XÃ HỘI                                           | 12          |                     | 2              |
| 2.1 | Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, công nghiệp |             |                     |                |
|     | Lao động                                                 | 12          |                     |                |
|     | - Trên 400 người                                         |             | 2                   |                |
|     | - Trên 1.000 người                                       |             | 4                   |                |
|     | - Trên 2.000 người                                       |             | 6                   |                |
|     | - Trên 3.000 người                                       |             | 8                   |                |
|     | - Trên 4.000 người                                       |             | 10                  |                |
|     | - Trên 5.000 người                                       |             | 12                  |                |
| 2.2 | Thương mại, dịch vụ                                      |             |                     |                |

|            |                                                                 |           |    |          |
|------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|----|----------|
|            | Lao động                                                        | 12        |    |          |
|            | - Trên 300 người                                                |           | 2  |          |
|            | - Trên 500 người                                                |           | 4  |          |
|            | - Trên 1.000 người                                              |           | 6  |          |
|            | - Trên 2.000 người                                              |           | 8  |          |
|            | - Trên 3.000 người                                              |           | 10 |          |
|            | - Trên 4.000 người                                              |           | 12 |          |
| <b>3</b>   | <b>ĐỒNG GÓP NGÂN SÁCH</b>                                       | <b>15</b> |    | <b>3</b> |
| <b>3.1</b> | <b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, công nghiệp</b> |           |    |          |
|            | Nộp thuế nhà nước                                               | 15        |    |          |
|            | - Trên 05 tỷ đồng                                               |           | 3  |          |
|            | - Trên 10 tỷ đồng                                               |           | 6  |          |
|            | - Trên 20 tỷ đồng                                               |           | 9  |          |
|            | - Trên 40 tỷ đồng                                               |           | 12 |          |
|            | - Trên 80 tỷ đồng                                               |           | 15 |          |
| <b>3.2</b> | <b>Thương mại, dịch vụ</b>                                      |           |    |          |
|            | Nộp thuế nhà nước                                               | 15        |    |          |
|            | - Trên 10 tỷ đồng                                               |           | 3  |          |
|            | - Trên 20 tỷ đồng                                               |           | 6  |          |
|            | - Trên 40 tỷ đồng                                               |           | 9  |          |
|            | - Trên 80 tỷ đồng                                               |           | 12 |          |
|            | - Trên 100 tỷ đồng                                              |           | 15 |          |
| <b>4</b>   | <b>HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG</b>                                       | <b>25</b> |    | <b>5</b> |
| <b>4.1</b> | <b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, xây dựng, công nghiệp</b> |           |    |          |
|            | Lợi nhuận trước thuế                                            | 25        |    |          |
|            | - Trên 20 tỷ đồng                                               |           | 5  |          |
|            | - Trên 50 tỷ đồng                                               |           | 10 |          |
|            | - Trên 100 tỷ đồng                                              |           | 15 |          |
|            | - Trên 300 tỷ đồng                                              |           | 20 |          |
|            | - Trên 500 tỷ đồng                                              |           | 25 |          |
| <b>4.2</b> | <b>Thương mại, dịch vụ</b>                                      |           |    |          |
|            | Lợi nhuận trước thuế                                            | 25        |    |          |
|            | - Trên 30 tỷ đồng                                               |           | 5  |          |
|            | - Trên 80 tỷ đồng                                               |           | 10 |          |
|            | - Trên 150 tỷ đồng                                              |           | 15 |          |
|            | - Trên 400 tỷ đồng                                              |           | 20 |          |
|            | - Trên 600 tỷ đồng                                              |           | 25 |          |
| <b>B</b>   | <b>TIÊU CHÍ BỔ SUNG</b>                                         | <b>40</b> |    |          |
| <b>1</b>   | Hạch toán độc lập & có tư cách pháp nhân                        | 5         | 5  |          |
| <b>2</b>   | Tuân thủ tốt chính sách pháp luật nhà nước                      | 4         |    |          |
|            | - Thực hiện tốt nghĩa vụ thuế                                   |           | 1  |          |

|   |                                                                                                                               |            |    |  |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|----|--|
|   | - Không gây ô nhiễm môi trường                                                                                                |            | 1  |  |
|   | - Thực hiện tốt chính sách người lao động                                                                                     |            | 1  |  |
|   | - Không bị xử phạt hành chính trong các lĩnh vực                                                                              |            | 1  |  |
| 3 | Tham gia tốt các hoạt động địa phương phát động                                                                               | 2          |    |  |
|   | - Đóng góp tích cực                                                                                                           |            | 1  |  |
|   | - Tham gia                                                                                                                    |            | 1  |  |
| 4 | Doanh nghiệp khoa học công nghệ <sup>7</sup>                                                                                  | 3          | 3  |  |
| 5 | Doanh nghiệp công nghệ cao <sup>8</sup>                                                                                       | 3          | 3  |  |
| 6 | Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao <sup>9</sup>                                                                  | 3          | 3  |  |
| 7 | Doanh nghiệp (HTX) dẫn đầu chuỗi sản phẩm chủ lực                                                                             | 20         |    |  |
|   | - Có liên kết thương mại với các DNNVV trong chuỗi giá trị                                                                    |            | 10 |  |
|   | - Định hướng, kiểm soát toàn bộ các công đoạn khác nhau của chuỗi giá trị nhằm tạo ra giá trị tăng thêm cho sản phẩm, dịch vụ |            | 10 |  |
|   | - Định hướng, kiểm soát công đoạn khác nhau của chuỗi giá trị nhằm tạo ra giá trị tăng thêm cho sản phẩm, dịch vụ             |            | 5  |  |
|   | <b>Tổng cộng (100%)</b>                                                                                                       | <b>100</b> |    |  |

7 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

8 Cơ quan cấp giấy phép: Bộ Khoa học và Công nghệ, Quyết định 10/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí xác định doanh nghiệp công nghệ cao.

9 Quyết định số 19/2018/QĐ-TTg ngày 19/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tiêu chí, thẩm quyền trình tự, thủ tục công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.